TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1980

Trú tại: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B

- Bị đơn: Ông Vũ Như T1, sinh năm 1976

Trú tại: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B.

(Bà T và ông T1 đều có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

**** Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:***

Bà và ông Vũ Như T1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 20/6/2014 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh T.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi vã nhau. Ông T1 không cố gắng làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Ông T1 thường xuyên có hành vi bạo hành về thể xác và tinh thần đối với bà.

Vì tình cảm với ông T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T không thể tiếp tục chung sống với ông T1 được nữa, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Vũ Hoàng T2, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà có yêu cầu được quyền chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vũ Hoàng P, sinh ngày 06/01/2015. Bà yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu P mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:***

Bà không còn bất cứ tình cảm gì với ông Vũ Như T1. Ông T1 có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Giữa bà và ông T1 không còn bất cứ tình cảm gì. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Cháu Vũ Hoàng T2 sinh ngày 09/5/2003 (đã trưởng thành), nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà đồng ý giao cháu Vũ Hoàng P, sinh ngày 06/01/2015 cho ông Vũ Như T1 chăm sóc nuôi dưỡng. Bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin từ chối thủ tục hòa giải, đối chất và các thủ tục khác trong suốt quá trình tố tụng. Bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại TAND thị xã Bến Cát và TAND các cấp. Đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử.

2. ***Tại Đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đề ngày 30/6/2023, bị đơn ông Vũ Như T1 trình bày:***

Ông xác định mâu thuẫn giữa các bên đã rất nghiêm trọng. Vợ chồng sống ly T1 hơn 03 năm nay. Giữa ông và bà T không còn bất cứ tình cảm gì. Do vậy, ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Cháu Vũ Hoàng T2, sinh ngày 09/5/2003 (đã trưởng thành), nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông có nguyện vọng được nuôi cháu Vũ Hoàng P, sinh ngày 06/01/2015, và tự nguyện không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hiện ông mở Công ty TNHH Xây dựng T. Thu nhập của ông tầm 20.000.000 đồng/ tháng. Bà T có công việc không ổn định, làm nhiều

nghề tự do khác nhau. 02 con chung hiện đang ở với ông tại: Tổ 12, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình D.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại TAND thị xã Bến Cát và TAND các cấp.

** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã có ý kiến trình bày và cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Vũ Hoàng P, sinh ngày 06/01/2015 cho ông Vũ Như T1 chăm sóc nuôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Như T1 về việc không yêu cầu bà Lê Thị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Các đương sự có tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B, nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn và bị đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét bà T và ông T1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh T vào ngày 20/6/2014, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét mâu mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Phía ông T1 cũng có ý kiến là đồng ý ly hôn với bà T. Do vậy, việc bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có căn cứ chấp nhận (theo quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và đình năm 2014).

Về con chung: Các đương sự đều thống nhất và đề nghị giao cháu Vũ Hoàng Phát, sinh ngày 06/01/2015 cho ông Vũ Như T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Như T1 về việc không yêu cầu bà Lê Thị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, quá trình tố tụng các đương sự không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị T phải nộp theo quy định pháp luật.

[5] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Vũ Như T1 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị T được ly hôn với bị đơn ông Vũ Như T1.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng P, sinh ngày 06/01/2015 cho ông Vũ Như T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Như T1 về việc không yêu cầu bà Lê Thị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và ông T1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bà T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở bà T thực hiện quyền này.

Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0011464 ngày 22/6/2023 của Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã C, huyện T, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Phước Thành